

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:74/2020/DS-ST

Ngày: 30-9-2020.

“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Thơ.
2. Bà Nguyễn Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2020/TLST-DS, ngày 13/01/2020 về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐXXST-DS ngày 22/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa sơ thẩm số 56/TB-TA ngày 22/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Thu H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, tổ C, khóm D, Phường E, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Thu H: Ông Triệu Trọng Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà F, đường G, Phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Là đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 23/12/2019.

- Bị đơn:

1. Bùi Thị R, sinh năm 1953.
2. Dương Văn P, sinh năm 1945.

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P: Ông Dương Văn H1, sinh năm 1975. Là đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 25/3/2020 và ngày 09/6/2020.

Cùng địa chỉ: Số nhà M, đường N, Phường H, thành phố Cao Lãnh,

tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị R: Ông Nguyễn Hoàng G, Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Đăng ký số: 05 ngày 09/4/2020).

(Ông Đ, ông H1 và ông G có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Triệu Trọng Đ đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H trình bày:

Ngày 12/8/2018, bà Trần Thị Thu H có cho bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P vay số tiền 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và hai bên có làm biên nhận vay tiền, mục đích vay tiền của bà R và ông P là để sửa sà lan, trả tiền lương công nhân.

Ngày 15/9/2018, bà Trần Thị Thu H có cho bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và hai bên có làm biên nhận vay tiền, mục đích vay tiền của bà R và ông P là để trả tiền lương công nhân.

Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 22/9/2018. Nhưng đến hạn, bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P cố tình tránh né bà H, bà H đã liên hệ nhiều lần nhưng bà R và ông P không trả tiền cho bà H.

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P liên đới trả cho bà H số tiền vốn gốc là 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 23/9/2018 đến ngày 22/12/2019 (15 tháng) số tiền là $295.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 44.250.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn gốc và lãi là 339.250.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo qui định của pháp luật đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên hòa giải, bà H yêu cầu bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P liên đới trả cho bà H số tiền vốn gốc là 295.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22/9/2018 đến ngày 09/6/2020 (20 tháng 17 ngày) là $295.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 60.671.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 355.671.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo qui định của pháp luật đến khi giải quyết xong vụ án.

Từ ngày vay đến nay bà R chưa trả lãi cho bà H lần nào, bà H yêu cầu bà R cung cấp chứng cứ chứng minh việc trả lãi. Việc bà R vay tiền để sửa chữa sà lan và trả tiền cho công nhân là sử dụng cho việc làm kinh tế trong gia đình nên bà R và ông P phải liên đới trả nợ cho bà H.

Biên nhận do bà R trực tiếp viết trên mẫu in sẵn của bà H, hai bản như nhau, mỗi người giữ 01 bản. Việc trong biên nhận của bà R có ghi thêm tiền

lãi là do bà R tự viết thêm, bà H không biết.

Nguyên đơn chỉ khởi kiện tại Tòa án, không yêu cầu cơ quan công an xem xét trách nhiệm pháp lý của bà R.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu bà R và ông P liên đới trả cho bà H số tiền vốn là 295.000.000 đồng và tiền lãi là $295.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng}$ (từ 22/9/2018 – 22/9/2020) = 58.764.000 đồng, trừ 38.000.000 đồng tiền lãi bà H đã nhận của bà R, còn lại tiền lãi là 20.764.000 đồng. Như vậy, bà R và ông P liên đới trả cho bà H số tiền vốn và tiền lãi là 315.764.000 đồng

Theo đơn khởi kiện phản tố, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Dương Văn H1 đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P trình bày:

Ngày 12/8/2018, bà Trần Thị Thu H có cho bà Bùi Thị R vay số tiền 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và hai bên có làm biên nhận vay tiền, lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, bà R trả lãi cho bà H mỗi ngày là 2.450.000 đồng x 39 ngày (tính đến ngày 15/9/2018) = 95.550.000 đồng.

Ngày 15/9/2018, bà R không đủ tiền trả lãi cho bà H nên bà R phải làm biên nhận vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), bà R nộp lãi cho tổng số tiền vốn 295.000.000 đồng, mỗi ngày nộp 2.950.000 đồng x 138 ngày = 407.100.000 đồng.

Đối chiếu với số liệu bà H khởi kiện và trình bày của đại diện bà H tại Tòa án, bà H yêu cầu bà R và ông P trả cho bà H số tiền số tiền vốn gốc là 295.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 23/9/2018 đến ngày 23/3/2019 (18 tháng) số tiền là $295.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 53.100.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn gốc và lãi là 348.100.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi thực tế bà R đã trả cho bà H so với yêu cầu khởi kiện của bà H có sự chênh lệch như sau: 502.650.000 đồng - 348.100.000 đồng = 154.550.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, bà R vẫn yêu cầu bà H còn phải trả lại cho bà R số tiền chênh lệch là 502.650.000 đồng - 348.100.000 đồng = 154.550.000 đồng. Đây là trách nhiệm cá nhân của bà R, bà R vay tiền để trả lãi cho khoản vay riêng, không liên quan ông P nên ông P không có trách nhiệm liên đới với bà R trả nợ. Ông P không biết việc vay tiền của bà R nên ông không đồng ý liên đới với bà R trả nợ cho bà H.

Bà R đã có đơn tố cáo bà H đến cơ quan công an để xem xét, xử lý trách nhiệm của bà H về hành vi cho vay nặng lãi.

Tại phiên tòa, ông H1 đại diện theo ủy quyền của bà R yêu cầu bà H có trách nhiệm trả lại số tiền thừa sau khi căn trừ lãi vào vốn, cụ thể như sau: 502.650.000 đồng - 315.764.000 đồng = 186.886.000 đồng. Bà R và ông P

không đồng ý liên đới trả nợ cho bà H vì bà R vay tiền sử dụng cá nhân, không liên quan đến ông P.

Luật sư Nguyễn Hoàng G bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Về thủ tục tố tụng, luật sư không có ý kiến. Về nội dung: Bà R thừa nhận có vay của bà H số tiền 295.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/8/2018 và 15/9/2018. Trong quá trình vay tiền của bà H, bà R đã nộp lãi cho bà H với lãi suất rất cao là 2.450.000 đồng/ngày đối với biên nhận ngày 12/8/2018 và 500.000 đồng/ngày đối với biên nhận ngày 15/9/2018 nên bà R có viết thêm vào biên nhận tiền lãi phải trả cho bà H mỗi ngày để thuận lợi cho việc nộp tiền lãi; tổng cộng bà R đã trả tiền lãi cho bà H là 502.650.000 đồng. Do đó, bà R yêu cầu bà H có trách nhiệm trả lại số tiền thừa sau khi trừ lãi vào vốn, cụ thể như sau: 502.650.000 đồng - 315.764.000 đồng = 186.886.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà R và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho bà H tiền vốn và lãi là 315.764.000 đồng, bà R và ông P không đồng ý vì khi bà R vay tiền của bà H ông P không biết, bà H không sử dụng tiền vay vào việc sinh hoạt trong gia đình và ông P cũng không có ký tên vào biên nhận.

Thực tế, bà R có trả tiền lãi cho bà H số tiền 502.650.000 đồng nhưng bà R không có chứng cứ pháp lý để chứng minh, đây là chứng cứ thực tiễn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bà R.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật về tổng đạt văn bản tố tụng, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Bùi Thị R trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền vốn vay là 295.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền vay 295.000.000 đồng tính từ ngày 22/9/2018 đến ngày 22/9/2020 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 58.764.000 đồng, trừ số tiền lãi bị đơn đã nộp là 38.000.000 đồng, còn lại 20.764.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi trả xong số nợ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu H yêu cầu bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P có trách nhiệm liên đới trả nợ vay cho bà H.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P có địa chỉ tại Phường H, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H yêu cầu bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P liên đới trả cho bà H số tiền vốn gốc là 295.000.000 đồng. Căn cứ văn bản thỏa thuận vay tiền ngày 12/8/2018 và ngày 15/9/2018 thể hiện bà Bùi Thị R có vay của bà Trần Thị Thu H số tiền vốn gốc là 295.000.000 đồng và tại phiên tòa hôm nay ông H1 đại diện theo ủy quyền của bà R thừa nhận có thiếu của bà H số tiền vốn vay là 295.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H yêu cầu bà Bùi Thị R và ông Dương Văn P liên đới trả cho bà H tiền lãi từ ngày 22/9/2018 đến ngày 22/9/2020 (24 tháng) là $295.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 58.764.000 \text{ đồng}$. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại văn bản thỏa thuận vay tiền ngày 12/8/2018 và ngày 15/9/2018, hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thể hiện ngày trả tiền là ngày 22/9/2018, ông Đ đại diện theo ủy quyền của bà H không trình bày việc thỏa thuận lãi suất, còn ông H1 đại diện theo ủy quyền của bà R và ông P cho rằng tiền lãi của biên nhận ngày 12/8/2018 là 2.450.000 đồng/ngày đối với số tiền vay là 245.000.000 đồng và tiền lãi của biên nhận ngày 15/9/2018 là 500.000 đồng/ngày đối với số tiền vay 50.000.000 đồng; việc trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 22/9/2018 đến ngày 22/9/2020 (24 tháng) là $295.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 58.764.000 \text{ đồng}$, đáng lý ra nguyên đơn phải tính lãi từ ngày 13/8/2018 đối với số tiền vay 245.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 16/9/2018 đối với số tiền 50.000.000 đồng và tính lãi quá hạn từ ngày 23/9/2018 nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 22/9/2018 đến ngày 22/9/2020 với mức lãi suất 0,83%/tháng là có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

Tại phiên tòa, bị đơn trình bày đã trả cho nguyên đơn tiền lãi là 38.000.000 đồng, nguyên đơn cũng thừa nhận và đồng ý trừ 38.000.000 đồng tiền lãi đã nhận, còn lại 20.764.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu liên đới của nguyên đơn: Bà H yêu cầu bà R và ông P liên đới trả cho bà H số tiền vốn gốc là 295.000.000 đồng và tiền lãi là 20.764.000 đồng, tổng cộng vốn gốc và lãi là 315.764.000 đồng vì cho rằng bà R vay tiền để sửa sà lan và trả lương công nhân là sử dụng vào mục đích kinh doanh trong gia đình nên yêu cầu ông P liên đới với bà R trả nợ cho bà nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh và ông H1 đại diện theo ủy quyền của bà R và ông P không thừa nhận vì cho rằng bà R vay tiền sử dụng cá nhân. Hơn nữa, hai văn bản thỏa thuận vay tiền cũng không có chữ ký của ông P nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu bà R và ông P liên đới trả cho bà H số tiền vốn gốc và lãi là 315.764.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Bà R yêu cầu bà H có trách nhiệm trả lại số tiền thừa sau khi cần trừ lãi vào vốn, cụ thể như sau: 502.650.000 đồng - 315.764.000 đồng = 186.886.000 đồng. Ông H1 đại diện theo ủy quyền của bà R cho rằng tiền lãi của biên nhận ngày 12/8/2018 lãi suất 10.000đồng/1.000.000đồng/ngày, bà R trả lãi cho bà H mỗi ngày là 2.450.000 đồng x 39 ngày (tính đến ngày 15/9/2018) = 95.550.000 đồng và số tiền vay ngày 15/9/2018, bà R nộp lãi cho bà H tổng số tiền vốn 295.000.000 đồng, mỗi ngày nộp 2.950.000 đồng x 138 ngày = 407.100.000 đồng. Đối chiếu với số tiền lãi bà H yêu cầu thì bà H còn nợ lại bà R số tiền 186.886.000 đồng nên bà H còn phải trả lại cho bà R số tiền 186.886.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, bà R cho rằng bà H cho vay lãi nặng nên đã làm đơn tố giác bà H tại Công an thành phố Cao Lãnh, tại công văn số 959/CATP-ĐTTP ngày 22/9/2020 của Công an thành phố Cao Lãnh xác nhận: “... Qua công tác điều tra, xác minh đơn tố giác cho vay nặng lãi của bà Bùi Thị R đối với bà Trần Thị Thu H là không đủ cơ sở để chứng minh bà H có dấu hiệu cho vay nặng lãi...” và tại phiên tòa hôm nay bà R cũng không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà R có trả lãi cho bà H số tiền 502.650.000 đồng, điều này cũng được người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà R trình bày là R không có chứng cứ pháp lý chứng minh có trả cho bà H số tiền 502.650.000 đồng; đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận việc bà R có trả cho bà H số tiền 502.650.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà R.

[7] Án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận; bà Ràng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuy nhiên, bà R là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên bà R được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ràng là chưa có căn cứ như đã phân tích trên nên không chấp nhận.

[9] Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ như đã phân tích nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H.

Buộc bà Bùi Thị R có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thu H số tiền vốn vay là 295.000.000 đồng, tiền lãi là 20.764.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 315.764.000 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu H về việc yêu cầu ông Dương Văn P liên đới với bà Bùi Thị R trả nợ vay cho bà H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị R.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị R được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 8.481.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008069 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà H còn được nhận lại số tiền 8.181.000 đồng

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh